

3.3. CHỦ NGHĨA BÁ QUYỀN VỚI ĐẶC TÍNH CỦA TRUNG QUỐC

(*Hegemony with Chinese characteristics*)

Aaron Friedberg

GS Đại học Princeton

The National Interest, Số July-Aug 2011, 21-6-2011

Hoa Kỳ và Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc đang bị khóa vào trong một cuộc chiến tranh âm thầm nhưng ngày càng ác liệt, mục đích để có thêm sức mạnh và ảnh hưởng, không phải chỉ ở châu Á, mà còn ở toàn thế giới. Và mặc dù đã có nhiều nhà bình luận thời sự có thiện ý tin tưởng, cuộc cạnh tranh Trung-Mỹ không phải là kết quả của một sự hiểu lầm hay một chính sách sai lệch, mà nó phát triển từ những lực có nguồn gốc sâu xa trong cơ cấu đang chuyển biến của hệ thống thế giới, và trong hai chế độ rất khác nhau về chính sách nội bộ của hai cường quốc Thái Bình Dương.

Xuyên suốt qua lịch sử, quan hệ giữa các quốc gia mới nổi lên và những quốc gia đang có vị trí thống trị, thường có khó khăn – và hay xảy ra bạo động. Các quốc gia đang thống trị có khuynh hướng tự coi mình là người bảo vệ cho trật tự thế giới mà họ đã tham gia tạo nên, và từ trật tự đó, họ tiếp tục được hưởng lợi, còn các quốc gia mới nổi lên, lại cảm thấy bị gò bó, thậm chí bị lừa bịp, bởi tình hình *nguyên trạng* (*status quo*) và đấu tranh chống lại hệ thống đang có, để chiếm lại những quyền lợi mà họ nghĩ là họ có quyền được hưởng. Thật ra, các diễn biến của lịch sử, từ tuổi trẻ qua tuổi già, từ sức mạnh tới lúc suy tàn, là những vấn đề cũ kỹ nhất từ thời có lịch sử chữ viết. Từ thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, nhà sử học lớn của Hy Lạp, Thucydides, đã bắt đầu nghiên cứu về chiến tranh vùng Peloponese, và đã đưa ra nhận xét buồn bã là nguyên nhân đích thực và sâu xa nhất của chiến tranh là “*sự tăng tiến của sức mạnh của thành phố Athens, và sự sợ hãi do sức mạnh này gây ra ở Thành Sparta*”.

Thực trạng quan hệ Trung-Mỹ là một cuộc cạnh tranh, điều đó không đáng ngạc nhiên. Nhưng hai quốc gia đó không phải là bất cứ hai đại cường nào : từ sau chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ đã trở thành một quốc gia giàu nhất và mạnh nhất thế giới. Ngược lại, Trung Quốc là một Nhà nước có khả năng tăng trưởng nhanh nhất. Mỹ Quốc vẫn còn là “số một”, nhưng Trung Quốc đang nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa. Cả hai đều muốn chiếm càng nhiều quyền lợi càng tốt, và khả năng va chạm rất lớn.

Ít nhất cho tới ngày nay, đối với quốc gia đang giữ vai trò thống trị, các quốc gia đang vươn lên là những kẻ gây rối. Khi khả năng quốc gia tăng tiến, các lãnh đạo thường thường nghĩ rằng phải mở rộng quyền lợi của họ ra, và tìm cách gây thêm ảnh hưởng đối với những gì xảy ra xung quanh họ. Có nghĩa là những quốc gia đang tăng tiến không những chỉ tìm cách bảo vệ biên giới của chính họ, mà còn tìm cách vượt qua biên giới nữa, từng bước tìm cách mở rộng thị trường, nguyên vật liệu và các con đường chuyên chở, họ cũng tìm cách bảo vệ người dân xa xứ của họ, bảo vệ những bạn bè nước ngoài và đồng minh, để truyền bá niềm tin tôn giáo và ý thức hệ. Và nói chung, họ muốn đạt được quyền tham gia quyết định vào các sự kiện xảy ra trong khu vực hay trên thế giới.

Khi họ bắt đầu khẳng định chính mình, các quốc gia đang tăng tiến đều có ý nghĩ thách thức mở rộng biên giới lãnh thổ, thách thức các định chế quốc tế, và hệ thống cấp bậc có uy tín, đã được thiết lập ra vào lúc họ còn tương đối yếu kém. Giống như Nhật Bản cuối thế kỷ 19, hay nước Đức vào những năm đầu thế kỷ 20, các quốc gia mới nổi này muốn có chỗ dưới ánh mặt trời. Điều này dĩ nhiên dẫn họ tới đụng độ với các quốc gia đang thống trị. Cái vẫn tự gọi là các quốc gia *status quo* (Quốc gia muốn giữ *nguyên trạng* của thế giới). Những quốc gia thống trị này, là kiến trúc sư, là người hưởng lợi chính, và là người bảo vệ chính cho bất cứ hệ thống quốc tế nào đang hiện hữu.

Sự đụng độ xảy ra giữa hai phe ít khi được giải quyết một cách hòa bình. Khi nhận thức được sự đe dọa cho vị trí của mình, các quốc gia thống trị (hay là một liên minh các Nhà nước *status quo*) đôi khi tìm cách tấn công và tiêu diệt quốc gia cạnh tranh trước khi quốc gia này có đủ sức mạnh để tạo nên mối đe dọa. Một số quốc gia khác – hy vọng sẽ tránh được chiến tranh – đi theo một giải pháp khác : Tìm cách xoa dịu quốc gia đối

thủ tiềm tàng, tìm cách thỏa mãn các yêu sách của quốc gia này, và tìm cách hội nhập quốc gia này một cách hòa bình vào trật tự thế giới đang hiện hữu.

Nhưng mặc dù thành thật, hầu hết các nỗ lực này cuối cùng cũng thất bại. Đôi khi nguyên nhân rõ rệt là do yêu sách quá đáng của quốc gia mới nổi. Giống như đòi hỏi của nước Đức Hitler trước kia. Một kẻ xâm lược có tham vọng quá lớn để cho các Nhà nước *status quo* có thể chấp nhận được, nếu họ không muốn tự biến mình thành nô lệ, hoặc không muốn gây ra một cuộc tự sát cho toàn dân tộc.

Ngay cả đối với những yêu sách ít quan trọng hơn của quốc gia mới nổi, các quốc gia đang thống trị cũng ngập ngừng nhượng bộ, như vậy họ làm tăng thêm sự bất mãn của quốc gia mới nổi ; hoặc nếu các nước đang thống trị muốn chấp nhận ngay các yêu sách, họ sẽ làm tăng thêm tham vọng của quốc gia mới nổi, và gây ra một vòng xoáy tròn ốc đi lên những yêu sách của quốc gia này. Các chính sách hòa dịu chỉ thành công trên lý thuyết, nhưng thực tế cho thấy việc áp dụng của chính sách này cực kỳ khó khăn. Đó là lý do cho thấy tại sao trong thời kỳ chuyển tiếp, một đại cường mới nổi bắt đầu lấn chiếm các đại cường đang thống trị, đã làm nổ ra chiến tranh.

Trong lúc họ cố khéo léo để không nói rõ ra, các nhà lãnh đạo hiện nay của Trung Quốc có vẻ muốn nước họ trở thành một đại cường có ưu thế tại Đông Á, và có lẽ toàn bộ châu Á nếu nói rộng ra. Mục tiêu là làm Trung Quốc trở thành quốc gia mạnh nhất, và có ảnh hưởng nhất đối với láng giềng của họ, một quốc gia có khả năng ngăn cản các cuộc tấn công và các mối đe dọa ; có khả năng giải quyết các tranh cãi lãnh thổ và các nguồn nguyên liệu tùy theo ý muốn của họ ; ép buộc hay tranh thủ các nước khác làm theo ý của họ trong những vấn đề từ thương mại, đầu tư cho tới liên minh, và giải quyết các vấn đề liên quan tới phe thứ ba cho tới việc đối xử với các nhóm Hoa kiều, và ít nhất trong vài trường hợp, ảnh hưởng tới tính chất hay thành phần của chính phủ các quốc gia lân bang. Có thể là Bắc Kinh không muốn xâm chiếm hay quản lý trực tiếp các nước lân bang, nhưng mặc dù những tuyên bố ngược lại, Bắc Kinh vẫn muốn tìm kiếm một hình thức bá quyền khu vực.

Những tham vọng này không phải chỉ có với Trung Quốc. Trong dòng lịch sử, có sự liên quan chặt chẽ giữa sự tăng trưởng nhanh chóng tài sản của Nhà nước và tiềm lực đại cường, phạm vi địa lý cho quyền lợi của họ, tính chất nặng nhẹ của những mối đe dọa cho quyền lợi của họ, và ý muốn mở rộng khả năng quân sự để có thể bảo vệ được các quyền lợi này. Tăng trưởng có khuynh hướng thúc đẩy bành trướng, từ đó nảy sinh ra mất an ninh, và tiếp đó, lại đẻ ra ý muốn có thêm sức mạnh. Quy trình này đã hiện ra rõ nét trong thời hiện đại. Nhìn lại thế kỷ 19, thế kỷ 20, Samuel Huntington đã thấy :

“ Mọi đại cường quan trọng nhất, nước Anh và nước Pháp, nước Đức và Nhật Bản, Hoa Kỳ và Liên Xô, đều tham gia vào việc bành trướng ra ngoài, tự khẳng định vị trí của mình, và chủ nghĩa đế quốc đã thành hình trong những năm sau khi công nghiệp hóa nhanh chóng, và tăng trưởng kinh tế nhanh chóng ”.

Đối với Trung Quốc, Huntington kết luận : *“ Không có lý do gì để nghĩ rằng khi họ đã gạt hái được sức mạnh kinh tế và chính trị, họ lại không có những chính sách tương tự như vậy ”.*

Dĩ nhiên, cách hành xử của các Nhà nước khác trong quá khứ chỉ là gợi ý, nhưng không thể coi là bản hướng dẫn cho tương lai. Không phải vì các đại cường khác đã hành xử như thế, mà Trung Quốc lại cũng làm theo như vậy. Có lẽ, trong một thế giới có thị trường toàn cầu và vũ khí hạt nhân, những lo lắng và những tham vọng của các đại cường khi xưa không còn khả năng xuất hiện. Có lẽ các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã học được từ lịch sử là một đại cường mới nổi lên, nếu muốn khẳng định sức mạnh của mình một cách công khai, họ sẽ gây nên sự bất mãn và chống đối của những quốc gia khác.

Nhưng Trung Quốc không phải là một đại cường như những nước khác, và lịch sử của nó đã cung cấp thêm một lý lẽ nữa để tin rằng nó sẽ tìm kiếm một hình thức nào đó để có uy tín nổi trội trong khu vực. Đó là một quốc gia có một quá khứ dài đáng hãnh diện, như là một trung tâm văn minh của vùng Đông Á, và họ có những kinh nghiệm gần đây ít rục rờ hơn với sự thống trị và đàn áp của người nước ngoài xâm lược. Như một số sử gia gần đây đã chỉ ra rằng, Trung Quốc không phải là “ mới nổi lên ” mà họ đang “ trở lại ” vị trí nổi trội trong khu vực, mà họ đã từng có thời nắm giữ. Điều này đã được các nhà lãnh đạo và nhân dân Trung Quốc coi là tự nhiên và hợp lý. Ý muốn thành lập một hệ thống hướng về Trung Quốc là phù hợp với những điều mà nhà báo Martin Jacques đã viết :

“ Ý kiến của đại đa số người Trung Quốc cho rằng vị trí tự nhiên của họ nằm tại trung tâm của vùng Đông Á. Họ cũng nghĩ rằng nền văn minh của họ là cao nhất trong khu vực, và vị trí xứng đáng cho họ, mà lịch sử đã ban cho, sẽ được tái lập trong tương lai ”.

Nhà bác học bảo thủ, Diễm Học Thông (Yan Xuetong) (1) trình bày vấn đề một cách cô đọng : “ *Dân tộc Trung Quốc rất hãnh diện về quá khứ vinh quang của họ. Và họ tin rằng sự mất vai trò nổi trội của Trung Quốc* ” là một lỗi lầm của lịch sử mà họ phải sửa chữa. “ *Một thế kỷ bị nhục nhã* ” mà đất nước Trung Quốc đã yếu đuối và bị tổn thương, cho thấy cấp thiết phải đi theo con đường lấy lại sức mạnh. Đối với một đất nước có lịch sử như Trung Quốc, lấy lại vị trí sức mạnh ngày xưa không những là một vấn đề kiêu hãnh dân tộc, mà hơn thế nữa, là một điều kiện tiên yếu để tiếp tục tăng trưởng, an ninh và sinh tồn.

Cơ cấu sâu xa của các chính sách cường quốc đã đưa đẩy Hoa Kỳ và Trung Quốc tới tình trạng nghi kỵ và cạnh tranh với nhau, nếu không nói là sẽ tất yếu dẫn tới đụng độ công khai. Nhưng đó không phải là hết chuyện. Ngược lại với những điều mà những người thực dụng hay nhắc tới các vấn đề ý thức hệ ít nhất cũng như sức mạnh đã định hình quan hệ giữa các quốc gia. Thực tế là Hoa Kỳ là một nước dân chủ tự do, trong khi Trung Quốc còn nằm dưới chế độ chuyên chế, đã tạo thêm một chướng ngại cho những quan hệ hợp tác ổn định, và là ngu ồn suối cho sự thù hận và bất tín nhiệm lẫn nhau.

Quan hệ giữa các nước dân chủ và không dân chủ luôn luôn dẫn đến cái mà lý thuyết gia Michael Doyle gọi là “ *bầu không khí nghi kỵ* ”, một phần vì “ *quan niệm của các quốc gia dân chủ cho rằng các quốc gia không dân chủ luôn luôn nằm trong tình trạng đàn áp thường trực nhân dân của chính họ* ”. Các nền dân chủ coi các chế độ không dân chủ là không hợp pháp, bởi vì các quốc gia không dân chủ không được quân chúng tự do chấp nhận. Trong đáy tim, những người công dân tự quản không bao giờ tin là mọi Nhà nước đều bình đẳng với nhau, và họ không tin là họ được tôn trọng theo cùng mức độ, mà không kể đến cách thức họ được cai trị.

Nhìn theo khía cạnh này, sự tranh cãi giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc về những vấn đề tỷ như kiểm duyệt và tự do tôn giáo không những là gây bức bối mà có thể bỏ qua được. Thật ra, chúng là biểu hiện của những khó khăn có gốc rễ sâu xa hơn. Đối với hầu hết những người Mỹ, sự vi phạm quyền con người của Trung Quốc không những sai từ bản chất, mà nó còn là biểu hiện của bản chất đáng ghét của chế độ Bắc Kinh. Trong lúc chính phủ Mỹ có thể làm ăn với một chính phủ như vậy, ít nhất trong một vài vấn đề, người ta vẫn nghĩ là khả năng có một quan hệ nòng ấm, khả tín, và ổn định giữa hai quốc gia là một điều còn xa vời.

Các chế độ dân chủ còn nhìn Nhà nước không dân chủ là một chế độ không thể tin được, và luôn luôn nghiêng về xâm lấn với nước ngoài. Vì các hành động của họ luôn luôn được bao phủ bởi tấm màn bí mật, người ta khó phân tích được khuynh hướng, và toàn bộ khả năng quân sự của các quốc gia không dân chủ. Trong những năm gần đây, các quan chức Mỹ đã thúc đẩy những người đồng nhiệm Trung Quốc “ *minh bạch* ” hơn nữa trong các chương trình quân sự, nhưng có rất ít khả năng những đòi hỏi này được đáp ứng một cách có ý nghĩa. Và ngay cả nếu Bắc Kinh cung cấp một núi dữ liệu, các chuyên gia Mỹ sẽ nhìn chúng với sự bi quan, và lục lọi những dữ liệu này để cố tìm ra những dấu hiệu sai trái hoặc thông tin đối trá. Và họ có quyền làm như vậy. Chính quyền trung ương hóa cao độ của Trung Quốc có khả năng làm những việc như vậy, dễ hơn là chính quyền rộng mở, chia rẽ và rò rỉ của nước Mỹ.

Nhờ khả năng giữ bí mật, các chính phủ không dân chủ có thể dễ dàng dùng tới vũ lực mà không cảnh báo trước. Từ 1949, các nhà lãnh đạo Trung Quốc có khuynh hướng đặc biệt sử dụng những cuộc tấn công nghi binh và bất ngờ (hãy nhớ lại vụ Bắc Kinh tham gia vào chiến tranh Triều Tiên vào tháng 12-1950, hay vụ Trung Quốc tấn công biên giới Ấn Độ tháng 10-1962). Khuynh hướng này có lẽ bắt ngu ồn sâu xa từ văn hóa chiến lược từ thời Tôn Tử, nhưng nó cũng hoàn toàn phù hợp với tính chất của chế độ hiện nay. Thật ra, đối với các chuyên gia Mỹ, bản chất chuyên chế của chính phủ Trung Quốc đáng để ý hơn nền văn hóa Trung Quốc. Nếu Trung Quốc là một quốc gia dân chủ, nền tảng sâu xa xã hội, văn hóa của cách hành xử chiến lược và chính trị có lẽ cũng không thay đổi nhiều lắm, nhưng những nhà kế hoạch quân sự của Mỹ có lẽ sẽ bớt lo lắng hơn việc Trung Quốc sẽ tấn công chớp nhoáng quân đội Mỹ và căn cứ Mỹ ở Tây Thái Bình Dương.

Nỗi lo sợ bị xâm lấn còn được tăng thêm khi người thường nghĩ là nỗi lo sợ của chính phủ Trung Quốc ở trong nước về tính chất không hợp pháp của mình, tìm cách hướng sự bất mãn của quân chúng vào kẻ thù ở nước ngoài. Ví dụ, một số quan sát viên lo lắng, nếu kinh tế Trung Quốc suy sụp, các nhà lãnh đạo sẽ quy trách nhiệm cho người nước ngoài hoặc là họ sẽ tạo ra khủng hoảng với Đài Loan, Nhật Bản hay Mỹ, với mục đích để đoàn kết nhân dân lại, và chuyên hướng tức giận của quân chúng đi nơi khác. Dù ngụ ý của Bắc Kinh là gì chẳng nữa, những đụng độ này sẽ dễ dàng mất kiểm soát. Các nhà lãnh đạo dân chủ cũng không phải miễn nhiệm với những ham muốn phiêu lưu ở nước ngoài. Tuy nhiên, vì quyền lợi cho họ thấp hơn nhiều (bị mất phiếu trong bầu cử, hơn là bị lật đổ hay bị ném vào tù), họ ít có khuynh hướng chọn lựa những quyết định rủi ro để giữ lấy quyền hành của mình.

Nhưng sự nghi kỵ giữa Washington và Bắc Kinh không phải chỉ có một chiều. Và có lý của nó. Các nhà lãnh đạo hiện nay của Trung Quốc không tự coi mình như trước kia (những nhà lãnh đạo cách mạng cho cả thế giới). Nhưng họ tin là họ đang tham gia vào cuộc đấu tranh ý thức hệ. Một cuộc đấu tranh, mà cho tới tận gần đây, họ nằm hoàn toàn ở thế phòng ngự. Trong lúc họ coi Washington nêu ra sự lo lắng về nhân quyền, và tự do cá nhân, là những hành động đạo đức giả và cơ hội, các nhà lãnh đạo Trung Quốc không nghi ngờ gì là nước Mỹ thực sự có sự hăng hái ý thức hệ. Dưới mắt Bắc Kinh, Washington đang làm một cuộc thập tự chinh nguy

hiềm, tự do chủ nghĩa có sức mạnh gần như đế quốc. Nó chỉ ngưng nghỉ sau khi đã áp đặt quan điểm và lối sống của mình trên toàn thế giới. Bất cứ ai không nắm được vấn đề này, chỉ cần đọc những bài diễn văn của các quan chức Mỹ, với những lời hứa hẹn mở rộng không gian dân chủ, và dẹp bỏ các chế độ độc tài trên thế giới, họ sẽ thấy ngay.

Thật ra, vì ý thức hệ đã làm cho Hoa Kỳ có khuynh hướng nghi ngờ và thù địch Trung Quốc, hơn là chỉ vì riêng một lý do chiến lược, nó cũng tăng cường ý muốn của Hoa Kỳ giúp đỡ các thể chế dân chủ khác đang bị đe dọa bởi sức mạnh của Trung Quốc, ngay cả nếu việc đó không mang tính chính trị thực dụng (realpolitik) hay một lợi lộc gì cả. Như thế, sự kiên trì – thay vì đào sâu – của viện trợ Mỹ cho Đài Loan trong những năm đầu 1990 không thể được cắt nghĩa nếu không nhắc tới chuyện là hòn đảo này đã chuyên hóa từ một pháo đài chống Cộng mang tính chuyên chế, thành một nền dân chủ tự do. Cắt đứt quan hệ cuối cùng giữa Mỹ và Đài Bắc, sẽ gỡ bỏ được một nguyên nhân lớn gây ra đụng chạm giữa Mỹ và Trung Quốc, và là nguyên nhân tiềm ẩn cho chiến tranh. Chính sách này có lẽ được nghiên cứu tới nếu Đài Loan vẫn giữ cái vẻ bề ngoài của những năm 1970, là một chế độ độc tài, đàn áp và tham nhũng. Nhưng vì ngày nay Đài Loan được coi như một nền dân chủ thực sự, cho nên rất khó cho Washington cắt đứt quan hệ với họ.

Các chiến lược gia Trung Quốc đã nhìn thấy Hoa Kỳ đánh đổ Liên Xô thông qua sự kết hợp giữa đối đầu và lật đổ, từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt, họ cũng sợ Hoa Kỳ sẽ làm như vậy đối với Trung Quốc. Niềm tin này đã nhuộm màu quan điểm của họ về mọi chính sách của Mỹ, từ sự hăng hái hợp tác kinh tế, tới những cố gắng khuyến khích phát triển hệ thống tư pháp ở Trung Quốc. Nó cũng định hình quan điểm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc về các hoạt động của Mỹ tại châu Á, mà Bắc Kinh nghĩ là để bao vây họ, với những quốc gia dân chủ thân Mỹ. Do đó, Trung Quốc phải có chính sách để chống lại các ảnh hưởng này.

Khi Trung Quốc nổi lên trên vũ đài quốc tế, họ đã trở thành ngu ồn cảm hứng và ngu ồn viện trợ vật chất cho các chính quyền chuyên chế ở Trung Đông, Phi Châu và Mỹ la tinh cũng như tại Á Châu. Những chế độ không dân chủ đang lo sợ bị lịch sử sa thải sau khi Liên Xô sụp đổ. Từ đây có lẽ người Mỹ đã tin rằng sự tăng trưởng kinh tế đòi hỏi có sự tự do chọn lựa trong lĩnh vực kinh tế (điều này giả định sẽ chắc chắn đưa tới việc mở rộng tự do chính trị). Nhưng ít nhất cho tới bây giờ, Trung Quốc đã thành công trong việc kết hợp chế độ cai trị chuyên chế với nền kinh tế thị trường. Nhưng nếu nó được nhìn nhận là một mô hình phát triển thay thế cho mô hình của Mỹ, sự tiếp tục tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc dưới chế độ chuyên chính sẽ làm phức tạp thêm và làm chậm lại những nỗ lực từ lâu của Mỹ muốn phổ biến những định chế chính trị tự do trên khắp thế giới.

Người Trung Quốc cũng sợ Mỹ thay đổi các chế độ khác, và việc này ảnh hưởng lên sự hình thành của những chính sách của Trung Quốc đối với các nước khác trên thế giới. Nếu chính phủ Mỹ có thể gây áp lực hay lật đổ các nhà lãnh đạo ở Venezuela, Zimbabwe hay Iran, có lẽ họ cũng sẽ bạo dạn làm những điều tương tự cho Trung Quốc. Bằng cách giúp các chế độ này tồn tại, Bắc Kinh sẽ có thêm bạn và đồng minh cho cuộc đấu tranh sau này, làm yếu đi quan niệm cho rằng dân chủ đang tiến lên, và làm cho Mỹ tiêu hao năng lượng. Các nỗ lực của Washington muốn cô lập, gò bó và làm suy yếu các quốc gia “côn đồ” chuyên chế (ví dụ Iran và Bắc Triều Tiên) đã bị làm cho phức tạp, nếu không nói là thất bại, trước ý muốn của Bắc Kinh muốn hợp tác với các quốc gia này. Dĩ nhiên cùng lúc, hành động của Trung Quốc đã làm nổi lên lo ngại ở Washington về động lực và ý đồ của Trung Quốc. Do đó, nó đổ thêm dầu vào ngọn lửa cạnh tranh này.

Có lẽ mỗi khi có sự thăng tiến sức mạnh về vị trí địa chính trị của Bắc Kinh, họ sẽ tìm cách tăng cường ảnh hưởng tại vùng lân bang trực tiếp của họ. Cũng theo kinh nghiệm lịch sử, có lẽ sự thật là, dù chế độ cai trị là gì chẳng nữa, Trung Quốc luôn luôn lo lắng đặc biệt khảng định chính mình, và muốn các nước lân bang thừa nhận Trung Quốc là người anh cả trong khu vực. Nhưng chính là bản chất của hệ thống chính trị nội bộ cuối cùng sẽ quyết định những mục tiêu ở nước ngoài và phương cách để theo đuổi những mục tiêu này.

Như Ross Terri II của trung tâm Fairbank của Đại học Harvard đã nói rõ, khi chúng ta nói tới “khuynh hướng” của Trung Quốc hay chiến lược của Trung Quốc, thực tế là chúng ta nói tới mục tiêu và kế hoạch của những nhà lãnh đạo chủ chốt, và ông đã mô tả họ như sau : “ *số lượng 9 người kỹ sư đàn ông nằm trong Ban thường vụ của Bộ chính trị của Đảng cộng sản Trung Quốc* ”. Tất cả những điều mà chúng ta biết về họ là họ có động lực cao nhất là sự cần thiết phải duy trì quyền cai trị của Đảng cộng sản Trung Quốc. Điều này, theo một nghĩa nào đó, là một vấn đề hoàn toàn vị kỷ. Các nhà lãnh đạo và gia đình họ ngày nay được hưởng những đặc quyền và cơ hội mà những người khác trong xã hội Trung Quốc không được có. Những đặc quyền này là hậu quả trực tiếp của quyền hành. Sự chấm dứt quyền cai trị của Đảng cộng sản sẽ gây ra những hậu quả tức thời, đau đớn và có lẽ nguy hiểm cho những người nắm trên chóp bu của hệ thống. Những ngôi sao đang lên có hy vọng một ngày nào đó nhảy vào vị trí quyền lực này, và ngay cả các quan chức trẻ hơn cũng tính toán tương

tự như vậy. Sự hội tụ giữa quyền lợi cá nhân và cảm giác cùng chia sẻ số phận đã mang lại tính gắn kết cho Nhà nước – Đảng.

Nhưng động cơ chính trong việc tiếp tục sự cai trị của Đảng cộng sản Trung Quốc không chỉ bắt nguồn từ quyền lợi bản thân. Giới lãnh đạo tin tưởng sâu xa vào những thành tựu của Đảng trong quá khứ, và nghĩ là Đảng rất cần thiết cho tương lai. Chính Đảng cộng sản đã cứu Trung Quốc ra khỏi sự thống trị của xâm lược nước ngoài, đã giải thoát dân tộc khỏi áp bức và sỉ nhục, và đưa dân tộc trở lại hàng ngũ đại cường trên thế giới. Trước mắt giới lãnh đạo, và trong một phần nhân dân Trung Quốc, những thành tựu này đã mang lại uy tín tinh thần cho Đảng cộng sản và làm hợp pháp hóa sự cai trị của họ.

Nhìn về tương lai, các viên chức của Đảng đều tin rằng họ đang đứng giữa, một bên là sự tiếp tục ổn định, sung túc, tiến bộ và tiến tới những thành tựu vĩ đại, và một bên là sự quay trở lại tình trạng hỗn loạn, và yếu kém. Các tác giả nghiên cứu về Trung Quốc Andrew Nathan và Bruce Gilley đã nghiên cứu về các bí mật được tiết lộ của giới lãnh đạo thế hệ thứ Tư của Trung Quốc (với Mao, Đặng và Giang Trạch Dân dẫn đầu 3 thế hệ đầu tiên), họ đã kết luận là có dấu hiệu cho thấy có sự bất đồng chính kiến hay nghi ngờ lẫn nhau. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, đồng sự của ông, và những người có vẻ sẽ kế vị họ, đều ý thức được những thách thức trong nội bộ cũng như đối ngoại mà họ phải đối phó. Nhưng họ tin tưởng, và chỉ riêng họ, mới tìm ra giải pháp để làm cho đất nước tiếp tục tiến lên, và giúp cho đất nước đạt được vận mệnh của nó. Thật ra, họ tin tưởng là chính cường độ và tính phức tạp của các vấn đề khó khăn của Trung Quốc làm cho sự duy trì chế độ của họ rất cần thiết.

Nguyện vọng của Đảng Trung Quốc muốn duy trì quyền lực để quyết định mọi chính sách quốc gia. Đối với công tác đối ngoại, có nghĩa là mục tiêu tối hậu của Bắc Kinh là “làm cho chủ nghĩa toàn trị được yên ổn trên thế giới” hay ít nhất là để bảo vệ chế độ cai trị độc đảng ở Trung Quốc. Trong nhiều thập kỷ vừa qua, việc tập trung vào an toàn của Đảng đã dẫn tới sự nhấn mạnh duy trì các điều kiện quốc tế để tiếp tục tăng trưởng kinh tế. Khả năng của Đảng phối hợp sự cải tiến nhanh chóng về mức thu nhập và bảo hiểm xã hội là sự thành công rõ ràng nhất trong 30 năm qua, và là nguồn gốc của lòng biết ơn và trung thành của người dân Trung Quốc. Thomas Christensen, đồng nghiệp của tôi tại Đại học Princeton, đã lý luận là : “ *Tăng trưởng kinh tế đã làm cho quần chúng hài lòng và quên đi những chuyện khác, và do đó giúp tăng cường ủng hộ nội bộ cho Đảng (hay ít nhất là làm giảm bớt chống đối ở trong Đảng). Tăng trưởng kinh tế cũng tạo ra nguồn thu nhập mà Đảng sử dụng để mua phe đối lập, mang tiền giúp đỡ các vùng nghèo khổ, và các dân tộc thiểu số, để ngăn chặn các cuộc nổi loạn bạo động* ”.

Khi Trung Quốc trở nên giàu hơn và mạnh hơn, sự mong muốn an ninh của chế độ đã đưa họ tới những biện pháp kiểm soát phần thế giới nằm ngoài biên giới của họ. Lực đẩy ra ngoài này có mục đích tiến công cũng như phòng ngự. Là người phục vụ cho sự cường thịnh của đất nước, Đảng có nhiệm vụ đưa Trung Quốc trở lại vị trí xứng đáng của họ tại trung tâm của châu Á. Sự qui phục rõ rệt của các quốc gia khác là chứng cứ cho thấy sự thành công của chế độ về phương diện này, và giúp họ củng cố tính hợp pháp của chế độ ở trong nước. Đặc biệt là nếu sự tăng trưởng kinh tế biến đi, “ phải đứng lên ” đối phó với những kẻ thù truyền kiếp, giải quyết vấn đề Đài Loan, và các vấn đề khác, theo điều kiện do Bắc Kinh đưa ra. Đó sẽ là những nét chính của chiến lược của Đảng cộng sản Trung Quốc để duy trì việc nắm giữ quyền lực của họ. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc tin là nếu đất nước họ có vẻ mạnh hơn ở hải ngoại, chế độ cai trị của họ sẽ được mạnh hơn ở trong nước.

Ngược lại, nếu để hiện ra những điểm yếu kém, hay để cho mọi người nhìn thấy đất nước bị đánh bại hay bị hạ nhục, hậu quả sẽ rất nguy hiểm cho sự cai trị của Đảng. Bên dưới sự lo ngại về tính hợp pháp là sự nhạy cảm của chế độ đối với những thất bại, vì thế họ càng cương quyết hơn trong việc trấn áp những thách thức, và tìm cách né tránh thất bại. Sự bảo đảm tốt nhất cho Trung Quốc để tránh những rủi ro như vậy là phải đạt được ưu thế sức mạnh tại các vùng lân cận.

Hơn nữa, tính siêu nhạy cảm của Đảng cộng sản Trung Quốc về vấn đề mà họ gọi là “ ly khai ” là hậu quả trực tiếp của sự tin tưởng là họ phải nắm quyền kiểm soát tập trung chặt chẽ tại tất cả mọi nơi và vào mọi thời điểm. Những lời kêu gọi tự trị rộng rãi cho Tây Tạng hay Tân Cương được coi là những mối đe dọa chết người cho sự thống nhất đất nước, và từ đó, cho thấy sự cần thiết tiếp tục cai trị của Đảng. Hết độ tin tưởng nếu họ nói lỏng kiểm soát, ngay chỉ một chút thôi, cũng đủ làm cho đất nước vỡ thành nhiều mảnh. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc thấy là cần phải triển khai thêm sức mạnh đủ để xua tan ý muốn của các nước lân bang trợ giúp cho các nhóm ly khai, và họ tăng cường khả năng can thiệp trực tiếp để ngăn chặn những nhóm này trong trường hợp cần thiết.

Tóm lại : các nhà lãnh đạo hiện nay của Trung Quốc không muốn có ưu thế chỉ vì họ là lãnh đạo của một cường quốc đang nổi lên, hoặc giản dị chỉ vì họ là người Trung Quốc. Sự ham muốn thống trị và kiểm soát của

họ một phần lớn là sản phẩm của hệ thống chính trị mà họ lèo lái. Một nước Trung Quốc tự do dân chủ mạnh mẽ cũng chắc chắn tìm cách nắm vai trò lãnh đạo trong khu vực, và có lẽ có quyền phủ quyết hiệu quả những đề án mà họ nghĩ là không thích hợp với quyền lợi của họ. Nhưng họ sẽ bớt sợ hơn về sự bất ổn trong nước, ít bị đe dọa bởi các quốc gia lân bang dân chủ, và ít nghiêng về khuynh hướng tìm kiếm ảnh hưởng ở trong nước bằng cách thống trị và đè nén các quốc gia khác.

Mặc dù nhiều người không tin lắm, có vẻ là một nước Trung Quốc dân chủ hơn sẽ tạo ra một môi trường hòa bình hơn, ít nghiêng về chiến tranh hơn tại châu Á. Dưới mắt một số người thực tế, những cải cách nội bộ không những làm cho Bắc Kinh giàu hơn, mạnh hơn và từ đó cạnh tranh khá hơn, mà không cần tới ham muốn thống trị châu Á, và kiếm điểm với một vài nước lân bang. Điều hoàn toàn đúng là ngay cả trong dài hạn, Trung Quốc trở thành một nền dân chủ ổn định và hòa bình, con đường dẫn tới đó còn nhiều chông gai. Sự mở rộng hệ thống chính trị quốc gia cho phép những người bất đồng chính kiến tham gia, và cho sự tự do bàn luận, có vẻ sẽ đưa tới một nhân tố bất ổn vào chính sách đối ngoại của họ, khi mà nhiều giọng nói được vang lên, và một số người ham trở thành lãnh đạo qua sự hỗ trợ của quần chúng. Như một quan sát viên, David Hale, kinh tế gia, đã nói buồn bã : “ *Một Trung Quốc chuyên chế có thể được tiên đoán dễ dàng. Một Trung Quốc cởi mở hơn, dân chủ hơn, có thể tạo ra nhiều sự bất trắc trong chính sách đối nội, cũng như trong quan hệ quốc tế* ”.

Chủ nghĩa dân tộc, có lẽ dưới hình thức mạnh mẽ nhất của nó, là một nhân tố có lẽ giữ vai trò quan trọng để định hình chính sách đối ngoại của một đất nước Trung Quốc tự do hóa. Nhờ vào sự phổ biến của *Internet*, và sự bãi bỏ một số cấm cản cho ít nhất một số hình thức phát biểu chính trị mang tính “ ái quốc ”, chính phủ hiện nay đã phải chịu nhiều phê phán khi họ phải lấy thái độ mà người dân trên mạng coi là thái độ thỏa hiệp với Nhật Bản, Đài Loan hay Hoa Kỳ.

Đôi lúc, Bắc Kinh cũng tìm cách kích động tình cảm ái quốc, nhưng, họ lo ngại là sự bất mãn của quần chúng chống lại ngoại bang, sẽ dễ dàng quay sang chống lại họ, cho nên chế độ tìm mọi cách để kiểm soát sự bộc lộ tình cảm của quần chúng. Ngược lại, một chính quyền được bầu cử một cách dân chủ có lẽ rất ít bị kiểm chế hơn. Một nhà nghiên cứu chính trị có văn phòng tại Mỹ, Vương Linh Phi (Fei Ling Wang), cho rằng một chế độ hậu cộng sản sẽ làm mạnh hơn nữa trong việc xác định chủ quyền trên đảo Đài Loan, Tây Tạng và biển Đông Nam Á. Ông cất nghĩa : “ *Một chế độ “dân chủ” ở Bắc Kinh, không phải lo lắng cho sự tồn tại của chính nó, nhưng bị thúc đẩy bởi cảm xúc của quần chúng, có thể làm cho quyền lực đang nổi lên của Trung Quốc thành một sức mạnh tự khẳng định, nóng nảy, thích gây hấn và ngay cả xâm lược, ít nhất trong thời gian bất ổn, lúc họ tiến nhanh lên hàng cường quốc của thế giới* ”.

Câu cuối cùng là mấu chốt. Ngay cả những người tin tưởng nhất vào hậu quả hòa bình dài hạn của quá trình dân chủ hóa, cũng phải công nhận khả năng xảy ra một thời kỳ chuyển tiếp gió bão. Trong cuốn sách *Tương lai dân chủ của Trung Quốc*, tác giả Bruce Gilley đã công nhận là các cuộc cách mạng dân chủ ở các nước khác hay dẫn tới sự bùng nổ xâm lăng của nước ngoài, và ông ghi nhận là từ đầu thế kỷ 20, các phong trào dân chủ ở Trung Quốc mang nặng tinh thần dân tộc chủ nghĩa. Mặc dù vậy, Gilley đã tiên đoán là, sau một thời gian cách quãng khoảng độ một thập kỷ, quốc gia chịu sự chuyển biến đó sẽ đạt được quan hệ ổn định và hợp tác với Hoa Kỳ cũng như là với các quốc gia lân bang dân chủ.

Kết cục như vậy dĩ nhiên không thể nào chắc chắn được, và bị lệ thuộc vào các sự kiện và những mối tương quan khó lòng dự báo, và rất khó kiểm soát. Nếu những đụng chạm giữa một nền dân chủ mới lập và một nền dân chủ đã có lâu đời không được giải quyết ổn thỏa, có thể dẫn tới chiến tranh, lịch sử sẽ quay sang một hướng khác và hướng này có lẽ không có nhiều hứa hẹn, như là trong trường hợp các đụng chạm được giải quyết êm thấm. Giả dụ là thời kỳ chuyển tiếp được diễn ra tốt đẹp, người ta có nhiều lý do để tin là quan hệ giữa các quốc gia sẽ được cải thiện với thời gian. Một người Trung Quốc chủ trương cải cách, Trữ Lưu Quân (Liu Junning) , đã đúc kết khá hay triển vọng này. “ *Khi mà một Trung Quốc mang tính toàn trị và dân tộc chủ nghĩa là một mối đe dọa đang nổi lên, thì một nước Trung Quốc tự do chủ nghĩa, dân chủ, cuối cùng sẽ cho thấy họ là một đối tác mang tính xây dựng* ”.

Sự tiên đoán này có nguồn gốc sâu xa hơn là một ý tưởng hy vọng. Khi mà các giá trị và định chế của một nền dân chủ tự do đã được bắt rễ chặt chẽ, sẽ có các cuộc tranh luận cởi mở và mang đầy ý nghĩa chính trị và có sự cạnh tranh thực sự về mục tiêu của quốc gia, và sự phân phối các tài nguyên quốc gia. Các người muốn trở thành lãnh đạo, và những người tạo ra ý kiến quần chúng, lo toan về uy tín, danh dự, quyền lực và thành tích, sẽ phải cạnh tranh với những người khác, những người có lập trường nhấn mạnh lên sự ổn định quốc tế, hợp tác, hòa giải, và thúc đẩy an sinh xã hội. Những yêu cầu của giới quân sự và giới công nghệ sẽ được đối trọng, ít nhất cho một mức độ nào đó, bởi những nhóm người muốn có thêm ngân sách cho giáo dục, bảo hiểm y tế, và người già. Cách diễn giải lịch sử Trung Quốc mang đầy tính tự khẳng định, và siêu dân tộc chủ nghĩa, cùng với những đau khổ của nó, sẽ bị thử thách bởi bảng tổng kết về chế độ của họ trong việc đàn áp

dân tộc thiểu số và về từ chối chấp nhận thỏa hiệp trên vấn đề chủ quyền. Những nhà lãnh đạo ám ảnh bởi sự sống còn của họ và bởi những mối đe dọa giả tạo xâm lăng của nước ngoài sẽ được thay thế bởi một chính phủ được bảo đảm có tính hợp pháp, và không còn sợ là các nền dân chủ khác trên thế giới tìm cách vây hãm và lật đổ họ.

Một nước Trung Quốc dân chủ sẽ cảm thấy thoải mái hợp tác với Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc và những nước khác. Sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau sẽ được nảy sinh ra giữa các nền dân chủ, và mọi người sẽ bớt sợ hãi về mối nguy hiểm nước này sử dụng bạo lực chống lại nước kia. Họ còn có thêm triển vọng thông qua đàm phán giải quyết vấn đề biên giới, hải đảo và tài nguyên.

Một chính phủ dân chủ ở Bắc Kinh sẽ có dịp may đạt được giải pháp khả dĩ chấp nhận được về vấn đề Đài Loan sau hơn 60 năm bế tắc, khác hẳn với sự cai trị hiện nay của chính phủ Trung Quốc, một chế độ được dân chúng bầu ra, sẽ không có lợi gì trong việc duy trì cuộc đụng độ này. Họ sẽ tỏ vẻ tôn trọng hơn sự chọn lựa của một chính phủ dân chủ khác, và họ sẽ lôi cuốn người dân Đài Loan hơn nữa để trở thành đối tác cho một hệ thống liên bang nào đó. Hệ thống này sẽ làm hài lòng và làm mất đi sự sợ hãi của cả hai bên.

Nếu Trung Quốc còn tiếp tục được cai trị như hiện nay, sức mạnh đang tăng trưởng của họ sẽ là một thử thách sâu xa cho quyền lợi của nước Mỹ. Nếu Mỹ muốn ngăn chặn sự xâm lăng, duy trì một trật tự đa nguyên, cởi mở, Washington và các đồng minh, bạn bè của Mỹ phải làm việc tích cực hơn nữa, hợp tác chặt chẽ hơn nữa, để duy trì một cán cân quân bình sức mạnh trong khu vực. Về dài hạn, nước Mỹ phải học cách sống chung với một Trung Quốc dân chủ, có vai trò cường quốc quan trọng tại Đông Á, cũng như nước Anh trước kia, đã phải công nhận nước Mỹ có ưu thế sức mạnh tại Tây Bán Cầu. Chờ cho tới lúc đó, Washington và Bắc Kinh vẫn còn bị lôi cuốn vào một cuộc đấu tranh ác liệt để giữ vai trò làm chủ ở châu Á.

Aaron Friedberg

nguyên phó trợ lý an ninh của phó Tổng thống,

Nguyên giám đốc kế hoạch đối ngoại của Phó Tổng thống Dick Cheney

Giáo sư Chính trị đối ngoại Đại học Princeton

Chú thích :

(1) Diêm Học Thông : Coi thêm bài phát biểu “*Làm thế nào để Trung Quốc đánh bại Mỹ*”